
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2012

Trình độ đào tạo:	ĐẠI HỌC
Ngành:	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ
Chuyên ngành đào tạo:	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN
Loại hình đào tạo:	CHÍNH QUI

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Cử nhân chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân và hội nhập quốc tế.

Chương trình trang bị cho sinh viên một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, quản trị, các phương pháp định lượng; có kiến thức chuyên sâu về quản trị dữ liệu, hệ thống thông tin và quản trị hệ thống thông tin nhằm vận hành các hệ thống thông tin một cách an toàn và bảo mật. Đồng thời chương trình còn chú trọng rèn luyện khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề trong quản trị hệ thống thông tin, kỹ năng sử dụng các phần mềm chuyên nghiệp cho phân tích định lượng, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình...

1.2. Chuẩn đầu ra

1.2.1. Kiến thức

- Khối kiến thức chuyên ngành chính:

+ Kiến thức chung của chuyên ngành chính như: quản trị nguồn nhân lực công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu, các hệ thống thông tin trong quản lý như: hệ thống thông tin tài chính, hệ thống thông tin sản xuất, hệ thống thông tin nhân sự, hệ thống thông tin Marketing...

+ Kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành chính như: quản trị cơ sở dữ liệu, kho dữ liệu, lập trình và quản trị mạng, an toàn và bảo mật hệ thống thông tin, quản trị các dự án công nghệ thông tin, qui trình phát triển hệ thống thông tin, hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp.

- Khối kiến thức bổ trợ như: phát triển kỹ năng, quản trị sản xuất, quản trị tài chính, lý thuyết thiết kế và tổ chức...

- Khối kiến thức cơ sở như: kinh tế học, kế toán, thống kê, marketing, quản trị học, tiếng anh...

Ngoài ra, chương trình còn trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lê Nin, xã hội, luật kinh tế, xác suất và thống kê toán và những phương pháp định lượng trong kinh tế.

1.2.2. Kỹ năng

Chương trình tập trung rèn luyện sinh viên những kỹ năng sau:

- Kỹ năng giải quyết vấn đề chuyên môn: biết phát hiện và giải quyết những vấn đề liên quan trong khảo sát, thiết kế, quản trị và bảo trì các hệ thống thông tin, Lựa chọn, lắp đặt và vận hành cơ bản hệ thống máy tính cho tổ chức; tổ chức và quản trị dữ liệu; Sử dụng thành thạo các phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng và phần mềm tiện ích phục vụ cho công tác văn phòng, kế toán, thống kê, tài chính; đặc tả, vẽ sơ đồ chức năng hệ thống thông tin quản lý cho tổ chức.

- Kỹ năng làm việc nhóm: biết tổ chức và phối hợp các thành viên trong nhóm để cùng giải quyết công việc hiệu quả.

- Kỹ năng thuyết trình, viết báo cáo, tự nghiên cứu và kỹ năng giao tiếp

- Giao tiếp và xử lý tốt các nghiệp vụ văn phòng trong môi trường làm việc của bối cảnh hội nhập quốc tế. Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Kinh tế đầu tư có trình độ tiếng Anh tương đương TOEIC 450 hoặc tiếng Pháp DELF A2 hoặc có chứng chỉ các ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 – Khung chung châu Âu (Common European Framework – CEF).

1.2.3. Thái độ và hành vi

- Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nhà nước, các quy định của cơ quan. Có ý thức tổ chức kỷ luật, có lối sống lành mạnh;

- Có đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp. Có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức cải tiến, tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ.

- Coi trọng lợi ích chung, có tinh thần phục vụ cộng đồng.

- Tôn trọng cá nhân, thân thiện và có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp và các cá nhân bên ngoài tổ chức.

1.3. Cơ hội nghề nghiệp

Cử nhân Quản trị hệ thống thông tin có thể đảm nhận các vị trí sau:

- Giám đốc thông tin (CIO);

- Chuyên viên hay lãnh đạo bộ phận quản trị mạng nhằm kiểm soát, bảo mật, an toàn và phục hồi hệ thống;

- Chuyên viên hay lãnh đạo bộ phận công nghệ thông tin, dự án phát triển hệ thống thông tin;

- Chuyên viên quản trị và phân tích dữ liệu;

- Chuyên viên hay lãnh đạo trong các doanh nghiệp kinh doanh về công nghệ thông tin;

- Chuyên viên hay lãnh đạo trong các tổ chức tư vấn và cung cấp các giải pháp công nghệ thông tin;

- Cán bộ giảng dạy về hệ thống thông tin quản lý ở các viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng và các cơ sở đào tạo.

- Chuyên viên thương mại điện tử, thực hiện các nghiệp vụ kế toán, thống kê, tài chính... bằng các phần mềm;

2. Thời gian đào tạo: Theo thiết kế chương trình là 4 năm, tùy theo khả năng và điều kiện học tập, sinh viên có thể rút ngắn còn 3 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa đến 6 năm.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 125 tín chỉ, không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

4. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT, THCN

5. Qui trình đào tạo: Hình thức tín chỉ.

6. Thang điểm: Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ.

7. Nội dung chương trình

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương:

7.1.1 Lý luận chính trị

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	2120201	Các nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 1	2
2	2120251	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 2	3
3	2120211	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3
4	2120061	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
Tổng cộng			10

7.1.2. Khoa học xã hội

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
5	2110011	Pháp luật đại cương	2
6	2110042	Luật kinh tế	2
Tổng			4

7.1.3. Ngoại ngữ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
7	4270011	Tiếng Anh đại cương 1	3
8	4270021	Tiếng Anh đại cương 2	2
9	4270031	Tiếng Anh đại cương 3	2
Tổng cộng			7

7.1.4. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
10	3250011	Toán cao cấp 1	3
11	3250021	Toán cao cấp 2	2
12	3250041	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
13	2150011	Tin học đại cương	3
14	2110061	Phương pháp định lượng trong kinh tế	3
Tổng cộng			14

7.1.5 Giáo dục thể chất

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
15		Giáo dục thể chất	5

7.1.6 Giáo dục quốc phòng

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
16		Giáo dục quốc phòng	4 tuần

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1. Kiến thức cơ sở

7.2.1.1 Kiến thức cơ sở khối ngành

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
17	2130851	Kinh tế vi mô	3
18	2111221	Kinh tế vĩ mô	3
Tổng cộng			6

7.2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
19	2150682	Thống kê kinh doanh	3
20	2100012	Nguyên lý kế toán	3
21	2160082	Marketing căn bản	3
22	2150022	Kinh tế lượng	3
23	2130032	Quản trị học	3
Tổng cộng			15

7.2.2. Kiến thức ngành chính

7.2.2.1. Kiến thức chung của ngành chính

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
24	2150162	Cơ sở lập trình	3
25	2150182	Cơ sở dữ liệu	3
26	2130042	Quản trị nguồn nhân lực	3
27	2150083	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3
28	2150202	Mạng và truyền thông	3
Tổng cộng			15

7.2.2.2. Kiến thức chuyên sâu của ngành chính

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
29	2150062	Hệ thống thông tin quản lý	3
30	2150662	Quản trị mạng	3
31	2150763	Quản trị dự án công nghệ thông tin	3
32	2150583	Kho dữ liệu và khai phá dữ liệu	3
33	2150892	Phát triển hệ thống thông tin kinh tế	3
34	2150533	Bảo mật hệ thống thông tin	3
Tổng cộng			18
<i>Chọn ít nhất 9 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:</i>			
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
35	2150172	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3
36	2150613	Lập trình mạng	3
37	2150573	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3
38	2130072	Quản trị chiến lược	3
39	2150773	Hệ thống thông tin địa lý trong kinh doanh	3
40	2160992	Thương mại điện tử	3
41	2150313	Lập trình hướng đối tượng	3
42	2150652	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng	3
Tổng cộng			12

7.2.3. Kiến thức bổ trợ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
43	2130052	Quản trị tài chính	3
44	2140562	Quản trị ngân hàng	3
Tổng cộng			6
<i>Chọn ít nhất 9 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:</i>			
45	2100022	Kế toán tài chính	3
46	2130132	Quản trị sản xuất	3
47	2130183	Lý thuyết và thiết kế tổ chức	3
48	2130062	Quản trị Marketing	3
49	2140142	Thị trường và các định chế tài chính	3

50	2160562	Quản trị quan hệ khách hàng	2
51	4270262	Tiếng Anh Kinh doanh	3
52	2010011	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
Tổng cộng			9

7.2.4. Đề án môn học, thực hành và hoạt động ngoại khóa

STT	Mã học phần	Nội dung	Số tín chỉ
52	2150783	Đề án môn học	2
53		Hoạt động ngoại khóa	

7.2.5. Thực tập cuối khóa

STT	Mã học phần	Nội dung	Số tín chỉ
Hình Thức 1			
52	2150793	Bảo vệ báo cáo thực tập tốt nghiệp	4
53		Học bổ sung ít nhất 6 tín chỉ được chọn từ các học phần tự chọn.	6
Hình Thức 2			
54	2150803	Bảo vệ khóa luận tốt nghiệp*	10

* Sinh viên phải học học phần “Phương pháp nghiên cứu khoa học”, có điểm trung bình chung tích lũy lớn hơn mức quy định của Trường và được Khoa chuyên ngành đồng ý cho làm khóa luận tốt nghiệp.

7.2.6. Lộ trình học (đính kèm theo chương trình đào tạo này)

**HỘI ĐỒNG
XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**